

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày: 17/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Đắc Thắng.

2. Ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 24/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 23/3/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 178/TB-TA ngày 31/3/2020 đối với bị cáo:

Hồ Văn Ph, sinh ngày 29/3/1994 tại AK, Gia Lai; trú tại: Thôn H, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Hồ Thị M; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 25/11/2019 tạm giam cho đến nay; có mặt.

* *Bị hại:* Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn HP, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1969 (là cha của anh D); địa chỉ: Thôn HP, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Anh D và ông Tr có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Thành T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai - Chi nhánh số 2. Có mặt.

* *Người phiên dịch:* Bà Đào Thị Mộng H; địa chỉ: Trung tâm BTXH Đồng Tâm thuộc Sở LĐTBXH tỉnh Bình Định. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Trần Trọng T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ B, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Trần Thị Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ N, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ N, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Tr1, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ M, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 21/11/2019, Hồ Văn Ph điều khiển xe mô tô biển số 81N1-xx40 (xe của bà Trần Thị Th mua lại của bà Đặng Thị Hồng Y - Tiệm xe PH) đi ngang qua khu vực Tổ M, phường AB, thị xã A. Thấy anh Nguyễn Ngọc D (là người bị khuyết tật vận động mức độ đặc biệt nặng) đang ngồi trên xe lăn bán vé số tại ngã ba giao nhau giữa đường Quốc lộ 19 với đường đất đi trụ sở Tổ M, phường AB nên Ph ghé lại mua 01 tờ vé số rồi tiếp tục điều khiển xe đi. Khi đi được khoảng 200m, nghĩ đến việc bà Th đòi nợ, mẹ ruột bị đau không có tiền mua thuốc, bản thân lại không có tiền tiêu xài, biết anh D bị khuyết tật hạn chế nói, hô hoán và không thể tự đi lại nên Ph nảy sinh ý định cướp giật tài sản của anh D. Ph điều khiển xe quay lại chỗ anh D giả vờ hỏi mua 02 tờ vé số, khi anh D đang lấy vé số để đưa cho Ph thì Ph nhanh tay giật mạnh chiếc túi xách của anh D bên trong có số tiền 980.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu Lenovo K350t màu đen, 01 cục sạc dự phòng rồi nhanh chóng cho xe tăng tốc bỏ chạy. Khi đến bãi đất trống vắng người thuộc Tổ M, phường N, thị xã A thì dừng lại, Ph lấy toàn bộ tài sản cướp giật được của anh D cất giấu vào người, ném túi xách tại đó rồi điều khiển xe chạy về nhà bà Th. Tại đây, Ph lấy 500.000đ trả nợ cho bà Th và lấy cục sạc dự phòng cất giấu. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Ph đem điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo K350t đến tiệm điện thoại HN ở Tổ B, phường T, thị xã A bán với giá 300.000đ. Ph cầm tiền đi mua thuốc cho mẹ hết 703.000đ, đổ xăng hết 50.000đ, còn lại 27.000đ Ph cất vào túi quần. Sáng ngày 22/11/2019, Ph điều khiển xe mô tô 81N1-xx40 đi lang thang trong khu vực thị xã A và nghĩ lại hành vi lấy tài sản của anh D nên Ph điều khiển xe chạy lại chỗ anh D bán vé số để gặp xin lỗi, nhưng khi Ph vừa đi ngang qua thì bị Công an thị xã A phát hiện, bắt giữ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tạm giữ một số vật chứng gồm: 01 túi xách màu xanh điện (20x30)cm có chữ Xô số kiến thiết QN; 01 đoạn camera hình ảnh thu từ camera trong cửa hàng điện thoại di

động HN; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo K350t, số imei 868685030400559, 868685030900558, số Meid: 86868503040055; 01 xe máy nhãn hiệu GLint, BKS 81N1-xx40, số khung UM7X000949, số máy FMGS000949; 01 giấy đăng ký xe máy số 003559 mang tên Phạm Văn P, biển số đăng ký 81N1-xx40 do Công an thị xã A cấp ngày 08/4/2008; 01 sạc dự phòng loại 20.000mAh, diện tích (16,5x8)cm; thu giữ số tiền 1.280.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 128/KLĐGTS ngày 03/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định: Giá trị của 01 (một) túi xách màu xanh diện (20x30)cm là 30.000đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo K350t là 700.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 130/KLĐGTS ngày 17/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định: Giá trị còn lại của 01 (một) cục sạc dự phòng loại 20.000mAh, diện tích (16,5x8)cm, là 93,33% tương đương với số tiền là: $250.000đ \times 93,33\% = 233.000đ$.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho anh Nguyễn Ngọc D: 01 túi xách màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo K350t; 01 cục sạc dự phòng loại 20.000mAh và số tiền 980.000đồng. Trả lại cho anh Trần Trọng T1 số tiền 300.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Ngọc D đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự. Anh Trần Trọng T1 không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 21/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Hồ Văn Ph về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Văn Ph phạm tội “Cướp giật tài sản”; đề nghị áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn Ph từ 04 năm đến 05 năm tù. Về dân sự: Đã giải quyết xong. Về vật chứng: Đề nghị trả lại 01 xe mô tô BKS 81N1-xx40 và 01 giấy đăng ký xe máy cho bà Trần Thị Th. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Ngọc D trình bày: Vào sáng ngày 21/11/2019, khi đang ngồi xe lăn bán vé số tại ngã ba giao nhau giữa đường Quốc lộ 19 với đường đất đi trụ sở Tổ M, phường AB thì Hồ Văn Ph đến hỏi mua vé số. Sau đó, lợi dụng lúc D không để ý, Ph đã giật mạnh chiếc túi xách của D bên trong có số tiền 980.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Lenovo K350t, 01 cục sạc dự phòng. Quá trình điều tra, đã xác định bị cáo Hồ Văn Ph là người trực tiếp cướp giật tài sản của D. Hiện nay, anh D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì về dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thị Th trình bày: Bà là mẹ của chị Nguyễn Thị Thùy D1, chị D1 có quan hệ tình cảm với Hồ Văn Ph nên bà có đưa xe mô tô 81N1-xx40 (do bà mua lại của bà Đặng Thị Hồng Y) cho Ph mượn để chở hàng đi buôn bán cùng với chị D1. Bà không biết Ph đã dùng xe mô tô nói trên để cướp giật tài sản, nên bà đề nghị được trả lại xe cho bà để tiếp tục buôn bán.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Về dân sự đã giải quyết xong. Về hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt là đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 21/11/2019, Hồ Văn Ph đã thực hiện hành vi dùng xe mô tô biển số 81N1-xx40 cướp giật túi xách của anh Nguyễn Ngọc D, là người khuyết tật đang ngồi xe lăn bán vé số tại khu vực Tổ M, phường AB, thị xã A rồi nhanh chóng tẩu thoát. Bên trong túi xách có 01 điện thoại di động hiệu Lenovo K350t, 01 cục sạc dự phòng và số tiền 980.000đồng. Tổng giá trị tài sản mà Ph cướp giật của anh Nguyễn Ngọc D là 1.943.000đồng. Bị cáo sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản là thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” và thực hiện hành vi phạm tội đối với người bị khuyết tật vận động mức độ đặc biệt nặng phải ngồi xe lăn là thuộc trường hợp “Phạm tội đối với người không có khả năng tự vệ”. Do vậy, hành vi của bị cáo Hồ Văn Ph đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo . Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để có thời gian cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về dân sự: Đã được giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về vật chứng: 01 xe máy nhãn hiệu GLint, BKS 81N1-xx40, số khung UM7X000949, số máy FMGS000949 và 01 giấy đăng ký xe máy số 003559 mang tên Phạm Văn P, biển số đăng ký 81N1-xx40 do Công an thị xã A cấp ngày 08/4/2008. Xét thấy, đây là tài sản thuộc quyền quản lý hợp pháp của bà Trần Thị Th đưa cho Hồ Văn Ph làm phương tiện đi lại, chưa chuyển nhượng cho Ph, bà Th không biết việc Ph dùng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bà Th.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ các điểm d, g khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Văn Ph phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Hồ Văn Ph 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 22/11/2019.

3. Về vật chứng: Trả lại cho bà Trần Thị Th: 01 xe máy nhãn hiệu GLint, màu nâu, BKS 81N1-xx40, số máy FMGS000949, số khung UM7X000949, không có bùng, không có ốp cốp bên phải, phía sau yên xe có móc kéo hàng; 01 giấy đăng ký xe máy số 003559 mang tên Phạm Văn Ph, biển số đăng ký 81N1-xx40 do Công an thị xã A cấp ngày 08/4/2008.

(Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2020 giữa Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hồ Văn Ph phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (17/4/2020), bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông